

VẤN ĐỀ BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC BIỂN Ở TỈNH QUẢNG BÌNH

TS. ĐINH THỊ THANH TRÀ

Trường Đại học Quảng Bình

1. Đặt vấn đề

Quảng Bình là tỉnh có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế biển, an ninh quốc phòng, nằm trên hành lang kinh tế Đông Tây của Việt Nam. Hệ sinh thái vùng ven biển Quảng Bình đa dạng và phong phú, với đường bờ biển dài 116,04km và thêm lục địa rộng gấp 2,6 lần diện tích đất liền, trữ lượng khoảng 10 vạn tấn, có nhiều loài hải sản có giá trị kinh tế cao. Dọc theo bờ biển có 5 cửa sông chính, hình thành vùng mặt nước có khả năng nuôi trồng thủy sản với tổng diện tích 15.000ha thuận lợi cho nuôi tôm, cua xuất khẩu [1].

Do tác động của biến đổi khí hậu cùng với sự khai thác quá mức làm giảm sút đa dạng sinh học (ĐDSH) hệ sinh thái biển. Quá trình đô thị hóa và phát triển cơ sở hạ tầng dẫn đến việc mất hay phá vỡ các hệ sinh thái, nơi cư trú và các sinh cảnh tự nhiên. Cùng với đó, chất lượng môi trường nước tại các cửa sông ven biển do rác thải, nước thải khiến môi trường bị ô nhiễm. Đây cũng là nguyên nhân đe dọa ĐDSH, làm giảm số lượng cá thể, gián tiếp hủy hoại nơi cư trú và môi trường sống của các loài sinh vật. Đặc biệt, sự cố ô nhiễm môi trường biển năm 2016 đã để lại hậu quả rất nghiêm trọng trên nhiều phương diện, gây thiệt hại lớn cho nền kinh tế, làm suy giảm mạnh ĐDSH biển. Do đó, bảo tồn ĐDSH biển Quảng Bình là nhiệm vụ rất quan trọng, rất cần thiết hiện nay trong công tác quản lý bảo tồn tài nguyên và ĐDSH.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Bảo tồn tài nguyên đa dạng sinh học biển

Vùng biển Việt Nam có bờ biển dài hơn 3.260km với hơn 3.000 hòn đảo lớn, nhỏ ven bờ và hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

Vùng biển đặc quyền kinh tế của Việt Nam rộng trên 1 triệu km². Trên cơ sở về điều kiện tự nhiên, môi trường biển và giới sinh vật biển, vùng biển Việt Nam có khoảng 20 kiểu hệ sinh thái biển (HST). Các HST biển điển hình ở đới ven bờ như bãi triều, rừng ngập mặn cửa sông, đầm phá, vũng, vịnh biển, tùng, áng, rạn san hô, thảm cỏ biển... Ngoài ra, còn có các HST vùng nước quanh các đảo ven bờ, đảo xa bờ, đặc biệt vùng nước và vùng đáy biển sâu (vùng biển quanh các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa) [2].

Hệ sinh thái biển Quảng Bình tương đối đa dạng và phong phú, phía bắc có dải san hô trắng với diện tích hàng chục ha, là điều kiện duy trì hệ sinh thái san hô đặc thù của vùng biển sâu miền Trung [1]. Tuy nhiên, cho đến nay ĐDSH vùng biển Quảng Bình vẫn chưa được nghiên cứu, điều tra đánh giá cụ thể.

Theo “Báo cáo hiện trạng môi trường biển và hải đảo quốc gia giai đoạn 2016-2020” của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các HST biển đang bị khai thác quá mức, thiếu tính bền vững dẫn đến tình trạng suy giảm ĐDSH. Đến nay đã ghi nhận khoảng 100 loài sinh vật biển có nguy cơ đe dọa và quý hiếm đã được đưa vào Sách đỏ Việt Nam và Danh mục đỏ IUCN để yêu cầu phải có biện pháp bảo vệ (37 loài cá biển, 6 loài san hô, 5 loài da gai, 4 loài tôm rồng, 1 loài sam, 21 loài ốc, 6 loài hai mảnh vỏ, 3 loài mực).

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước rất quan tâm đến công tác quản lý tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. Hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên biển được chú trọng và đẩy mạnh. Đến nay, cả nước có 12 khu bảo tồn biển đã được thành lập, với tổng diện tích hơn 206

nghìn ha, trong đó có 185 nghìn ha biển. Có nhiều chính sách và biện pháp quyết liệt, nhằm bảo tồn, phát triển ĐDSH biển như Luật Thủy sản (2017), Luật Biển Việt Nam (2012), Luật Bảo vệ môi trường (2020), Luật Tài nguyên, Môi trường biển và hải đảo (2015) cũng nhấn mạnh đến phát triển kinh tế biển bền vững và bảo tồn ĐDSH biển. Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 (2007), Chiến lược (2013) và Kế hoạch hành động quốc gia (2014). Nghị quyết 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về “Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” đã xác định mục tiêu: *“quản lý và bảo vệ tốt các HST biển, ven biển và hải đảo; tăng diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt tối thiểu 6% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia”*. Trong Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 149/QĐ-TTg, ngày 28/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ) có nhiệm vụ trọng tâm là phục hồi HST tự nhiên quan trọng bị suy thoái như rừng ngập mặn, rạn san hô, thảm cỏ biển... Điều tra thống kê, đánh giá và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về ĐDSH trong đó nhấn mạnh các HST biển.

Ngày 17/1/2023, UBND tỉnh Quảng Bình ban hành Kế hoạch hành động số 78/KH-UBND về bảo tồn ĐDSH đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh. Trong đó, tập trung thực hiện bảo tồn và phát triển bền vững các HST tự nhiên quan trọng, loài, nguồn gen nguy cấp, quý, hiếm, góp phần phát triển đất nước theo định hướng nền kinh tế xanh, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình vừa ban hành Công văn số 2188/UBND-KT triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1090/QĐ-TTg, ngày 19/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình Quốc gia phát triển khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững giai đoạn 2022-2025, định hướng 2030

trên địa bàn. Chú trọng thực hiện điều tra nguồn lợi thủy sản vùng biển ven bờ, vùng lòng làm cơ sở phân bổ hạn ngạch khai thác thủy sản phù hợp, khai thác bền vững nguồn lợi thủy sản.

2.2. Tình hình khai thác thủy sản ở Quảng Bình

Ngành khai thác thủy sản là hoạt động sinh kế rất quan trọng của cộng đồng ngư dân ven biển tỉnh Quảng Bình, đóng góp quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Hiện nay, Quảng Bình có hơn 7.600 tàu cá, trong đó có 1.199 tàu cá từ 15m trở lên, 497 tàu cá từ 12-15m. Số lao động khai thác thủy sản là 24.100 người, với 9.700 lao động vùng khơi và 3.522 lao động ở vùng lòng. Toàn tỉnh có 2 cảng cá (Sông Gianh, Nhật Lệ) với quy mô 80 tàu/ngày, 22.000 tấn/năm, có 2 cảng cá đang đầu tư xây dựng (Roòn với quy mô 60 tàu/ngày, 9.000 tấn/năm và Nhật Lệ mới với quy mô 80 tàu/ngày, 25.000 tấn/năm).

Các phương tiện khai thác thủy sản của tỉnh Quảng Bình vẫn chủ yếu có công suất nhỏ. Theo số liệu thống kê cho thấy, năm 2020 có đến 56,6% số phương tiện khai thác có công suất dưới 20CV. Số phương tiện có công suất từ 90CV trở lên có thể hoạt động khai thác xa bờ chiếm 24,11%. Trong khi đó, nguồn lợi thủy sản ven bờ ngày càng suy giảm, cạn kiệt đã ảnh hưởng lớn đến hiệu quả khai thác, thu nhập và đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng ngư dân. Do đó, thời gian qua, tỉnh tập trung đầu tư nâng cao năng lực phương tiện khai thác hải sản xa bờ. Quy định về điều kiện ra khơi được thắt chặt và ảnh hưởng từ kinh tế xã hội nên số tàu thuyền công suất nhỏ có xu hướng giảm, tàu thuyền công suất lớn được hưởng nhiều chính sách ưu tiên, hỗ trợ từ nhà nước nên số lượng tăng lên.

Về cơ cấu ngành nghề khai thác thủy sản, hoạt động khai thác thủy sản của tỉnh Quảng Bình chủ yếu là các nghề lưới kéo, lưới vây, lưới rê, câu và một số ngành nghề khác. Nghề

lưới vây có xu hướng tăng lên là do hiệu quả khai thác của nghề này khá cao, đặc biệt nghề lưới vây xa bờ. Qua đó đã giảm mạnh các nghề lộng như mành đèn, mành chà, giã kéo..., nghiêm cấm các hoạt động khai thác ven bờ mang tính hủy diệt nguồn lợi thủy sản, đặc biệt

là dùng chất nổ, xung điện... Đồng thời thực hiện đồng quản lý nghề cá trên cơ sở phân vùng và phân cấp cho các địa phương ven biển. Hỗ trợ giúp ngư dân chuyển đổi sinh kế sang nuôi trồng, chế biến, dịch vụ...

Bảng 1: Số lượng và công suất tàu, thuyền có động cơ khai thác hải sản phân theo nhóm công suất, nghề đánh bắt

Năm	2015	2017	2018	2019	2020
Số lượng (chiếc)	4.012	5.443	5.586	5.491	5.562
Phân theo nhóm công suất					
Dưới 20 CV	2.236	3.100	3.138	3.067	3.143
Từ 20 CV đến 45 CV	392	829	918	897	936
Từ 45 CV đến dưới 90 CV	217	205	181	138	142
Từ 90 CV trở lên	1.167	1.309	1.349	1.389	1.341
Phân theo phương tiện đánh bắt					
Lưới kéo	564	196	215	261	152
Lưới rê	1.034	2.699	2.365	2.574	2.252
Lưới vây	319	212	219	229	222
Câu	1.113	1.174	1.452	1.462	1.559
Khác	982	1.162	1.135	965	1.377

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình

Sản lượng đánh bắt giai đoạn 2016-2020 có xu hướng tăng đều theo thời gian từ khoảng 50.200 tấn năm 2016 lên đến gần 74.000 tấn vào năm 2020 với tốc độ tăng bình quân 6,1%. Sản lượng tăng nhanh như vậy là do có sự hỗ trợ từ chính sách phát triển thủy sản của Nhà nước, giúp gia tăng quy mô tàu thuyền tàu có công suất và kích thước lớn trong 5 năm trở lại đây. Trong năm 2021, sản lượng khai thác thủy sản đạt 76.314,2 tấn, chiếm tỷ trọng gần 30% giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp.

Năm 2022, sản lượng khai thác thủy sản ước đạt 80.161 tấn, đạt 97,8% SKH, tăng 5,08% SCK, trong đó: Khai thác biển 75.882 tấn, đạt 97,3% KH, tăng 5,3% SCK; khai thác nội địa ước đạt 4.279,3 tấn, đạt 107% SKH, tăng 0,8% SCK. Năm 2022, tình hình sản xuất khai thác gặp nhiều khó khăn do giá nhiên liệu

tăng cao, ngư trường nguồn lợi suy giảm, thiếu lao động [3].

2.3. Tổng quan các mô hình đồng quản lý nghề cá tại Việt Nam và ở Quảng Bình

Khái niệm quản lý nghề cá dựa vào cộng đồng có từ thế kỷ XIX trên thế giới, được quy định trong Luật Nghề cá Lofoten năm 1897 của Na Uy. Sau đó là Nhật Bản từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã hình thành việc quản lý nghề cá dựa vào cộng đồng; năm 1992, FAO tổ chức hội thảo về phát triển hệ thống quản lý nghề cá ven bờ dựa vào cộng đồng ở các nước châu Á tại Kobe, Nhật Bản. Đến nay, hầu hết các nước trên thế giới đã và đang áp dụng phương thức quản lý này vào nghề cá [4].

Đồng quản lý nghề cá có thể được định nghĩa như một sự sắp xếp phối hợp trong đó cộng đồng người sử dụng nguồn lợi (ngư dân),

Bảng 2: Sản lượng thủy sản qua các năm
(Đơn vị tính: Tấn)

Năm	2015	2017	2018	2019	2020
Tổng số	68.951	71.168	76.710	82.631	87.280
Phân theo loại hình kinh tế					
Nhà nước	41	39	39	29	29
Ngoài Nhà nước	68.798	70.914	76.451	82.402	87.142
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	112	215	220	200	109
Phân theo khai thác, nuôi trồng					
Khai thác	57.009	63.791	64.245	69.399	73.951
Nuôi trồng	11.942	11.683	12.465	13.232	13.329
Phân theo loại thủy sản					
Tôm	6.040	4.982	5.182	5.434	7.267
Cá	53.608	57.242	61.810	66.708	69.186
Thủy sản khác	9.303	8.944	7.718	10.489	10.827
Phân theo loại nước nuôi					
Nước ngọt	8.535	10.030	10.899	11.500	11.705
Nước lợ	6.409	5.315	5.434	5.885	5.988
Nước mặn	54.007	55.823	60.378	65.246	69.587

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình

chính quyền (xã, huyện, tỉnh, trung ương) các bên tham gia khác (chủ thuyền, thương cá, đóng tàu, người làm kinh doanh), các tổ chức khác (các tổ chức phi chính phủ, trường đại học và các cơ quan nghiên cứu) chia sẻ trách nhiệm và quyền hạn trong việc quản lý nghề cá.

Đồng quản lý nguồn lợi ven biển nói chung đã và đang được triển khai ở Việt Nam. Tuy nhiên, nó còn nhiều tồn tại, vướng mắc trong quá trình triển khai, chưa có nền tảng vững chắc về pháp lý, tài chính, tổ chức để phát triển một cách hiệu quả và bền vững.

Năm 2005, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉ đạo hình thành nhóm công tác nghiên cứu áp dụng phương thức đồng quản lý trong quản lý nghề cá và giao cho Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản chịu trách nhiệm điều phối hoạt động của nhóm. Từ năm

2007, với sự hỗ trợ của Dự án Hợp phần tăng cường quản lý khai thác thủy sản (SCAFI) có rất nhiều hoạt động về đồng quản lý đã và đang được triển khai. Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản thực hiện từ năm 2007-2008, khảo sát 38 mô hình đồng quản lý đã được triển khai và áp dụng tại Việt Nam bao gồm cả nuôi trồng và khai thác thủy sản tại 18 tỉnh, thành phố ở 7 vùng sinh thái.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định số 67/QĐ-TCTS-KTBVNL, ngày 7/6/2010 về việc ban hành Hướng dẫn về đồng quản lý nghề cá tại Việt Nam.

Giai đoạn 2013-2016, đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản được triển khai đồng bộ tại 8 tỉnh: Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Sóc Trăng, Cà Mau. Đã có 97 tổ đồng quản lý nghề cá ven

bờ được thành lập trên 25 huyện với hơn 13.000 ngư dân tham gia, hơn 800km chiều dài bờ biển được người dân tham gia, chia sẻ quyền quản lý nguồn lợi thủy sản cùng Nhà nước.

Giai đoạn 2017-2018, sau khi Luật Thủy sản 2017 được ban hành, tỉnh Bình Thuận đã thí điểm giao quyền cho Hội cộng đồng ngư dân xã Thuận Quý, huyện Hàm Thuận Nam thực hiện đồng quản lý bảo vệ nguồn lợi sò lông trên 16,5km² vùng biển của xã [5].

Giai đoạn 2019 đến nay, các tỉnh Bình Thuận, Bình Định tăng cường tổ chức thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại tất cả các xã ven biển thuộc huyện Hàm Thuận Nam (tỉnh Bình Thuận) và khu vực vịnh Quy Nhơn (tỉnh Bình Định) theo quy định tại Luật Thủy sản 2017 thông qua cơ chế giao quyền quản lý nguồn lợi thủy sản tại khu vực biển nhất định cho tổ chức cộng đồng.

Năm 2019, tỉnh Hà Tĩnh đã công nhận và giao quyền quản lý cho tổ đồng quản lý nghề cá ven bờ thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại các xã: Xuân Yên, Xuân Liên, huyện Nghi Xuân và xã Thịnh Lộc, huyện Lộc Hà trên cơ sở kế thừa kết quả thực hiện dự án CRSD giai đoạn 2013-2016.

Tỉnh Thừa Thiên Huế đã có 51 Chi hội nghề cá tham gia đồng quản lý với gần 7.000 hội viên, đã kiện toàn theo Luật Thủy sản là 22 Chi hội nghề cá và giao quản lý 22 khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

Đến năm 2022, Quảng Bình giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng trong khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản vùng biển ven bờ ở xã Ngư Thủy và Ngư Thủy Bắc. Ngoài ra đã thành lập các tổ đồng quản lý trong nuôi trồng ở xã Quảng Châu, Bắc Trạch, Hạ Trạch, Đồng Trạch, Hàm Ninh, Quảng Thuận [3].

Thông qua các hoạt động trong quá trình thực hiện đồng quản lý, nhận thức, ý thức của người dân về công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản được nâng cao, các hành vi vi phạm có chiều hướng giảm, môi trường, nguồn lợi thủy sản có dấu hiệu phục hồi, phát triển tại khu vực, vùng triển khai đồng quản lý.

3. Kết luận

Bảo tồn ĐDSH biển là vấn đề rất quan trọng hiện nay. Cần tiến hành các chương trình giáo dục cộng đồng, triển khai xây dựng, nhân rộng các mô hình sinh kế bền vững, các mô hình đồng quản lý nghề cá với sự tham gia đầy đủ và có trách nhiệm của các doanh nghiệp, cộng đồng trong khai thác và bảo vệ môi trường biển... Thực hiện nghiêm túc Luật Đa dạng sinh học, đây là cơ sở pháp lý quan trọng để thực hiện việc bảo tồn ĐDSH biển Việt Nam. Tăng cường hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước về lĩnh vực nghiên cứu và bảo tồn ĐDSH biển. Thành lập và đưa vào hoạt động các cơ sở bảo tồn ĐDSH, khu bảo vệ cảnh quan và hành lang đa dạng sinh học ở vùng biển Quảng Bình ■

Tài liệu tham khảo:

1. Báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Quảng Bình của UBND tỉnh Quảng Bình, ngày 25/9/2018.
2. Báo cáo đa dạng sinh học Quốc gia, 2018.
3. Báo cáo tổng kết công tác năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2023. Chi cục Thủy sản Quảng Bình, năm 2022.
4. Lê Trần Nguyên Hùng (2008), Tổng quan mô hình đồng quản lý nghề cá Việt Nam. Trung tâm Chuyển giao công nghệ dịch vụ và Phát triển cộng đồng ngư nghiệp Việt Nam.
5. Đồng quản lý nghề cá giúp khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản bền vững
<https://tienphong.vn/dong-quan-ly-nghe-ca-giup-khai-thac-bao-ve-nguoi-loi-thuy-san-ben-vung-post1294565.tpo>